快/快要/就要/要……了

chọn đáp án đúng

1) 他下月_____结婚了。

Tā xià yuè _____jiéhūnle.

2) 王太太的儿子_____两岁了。

Wáng tàitài de érzi _____liǎng suìle.

3) 下个月我_____去中国留学！

xià gè yuè wǒ _____qù zhōng guó liú xué.

4) 我们的钱_____没有了！

wǒ men de qián _____méi yǒu le

5) 还有两天_____考试了！

hái yǒu liǎng tiān_____ kǎo shì le

LIVEWORKSHEETS